

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 26 - 02 - 2019
V/v tranh hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Đỗ Biên Ai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 376/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1969; cư trú tại: K 4, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Hoàng H; cư trú tại: Ấp TH A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M; cư trú tại: Ấp TH A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Văn L trình bày:

Trước đây, ông với ông H và bà M có mua bán thức ăn tôm với nhau. Đến ngày 21/01/2016 hai bên có làm giấy tổng công nợ với số tiền ông H và bà M còn nợ ông là 55.393.750đ. Sau đó, ông H, bà M không trả tiền cho ông, mặc dù ông có đòi nhiều lần. Nay ông yêu cầu ông H và bà M trả cho ông số tiền 55.393.750đ.

Tại phiên tòa: Ông L giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoàng H và bà Nguyễn Thị M trả tiền mua thức ăn tôm còn nợ 55.393.750đ là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông H và bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H, bà M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông L có bán thức ăn tôm cho ông H và bà M là thực tế có xảy ra. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ ông L có cung cấp “Giấy công nợ đến ngày 21/01/2016”. Đối với ông H, bà M mặc dù biết được nội dung khởi kiện của ông L nhưng ông bà không có ý kiến, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét giấy tổng công nợ đến ngày 21/01/2016, Hội đồng xét xử thấy rằng: Số nợ mà ông H, bà M còn nợ ông L là 55.393.750đ, có chữ ký trong giấy tổng công nợ. Đối với việc ông H, bà M không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác yêu cầu của ông L và cũng không phản đối số tiền nợ mà ông L yêu cầu, như vậy sự việc này thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông H và bà M phải có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền 55.393.750đ.

[4] Xét về án phí dân sự: Ông H, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $55.393.750đ \times 5\% = 2.769.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 92; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428; khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L. Buộc ông Trần Hoàng H và bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền là 55.393.750 đồng (năm mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Kể từ ngày ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Hoàng H và bà Nguyễn Thị M chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông H, bà M còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

- Ông Trần Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông L 1.385.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008844 ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Trần Hoàng H và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.769.000 đồng (hai triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh